

## HƯỚNG DẪN

### Nghiệp vụ cho vay đối với người chấp hành xong án phạt tù

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH);

Căn cứ Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù.

Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người chấp hành xong án phạt tù như sau:

#### **1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

##### 1.1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người chấp hành xong án phạt tù, cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng người lao động là người chấp hành xong án phạt tù theo Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg.

##### 1.2. Đối tượng áp dụng

- Đối tượng vay vốn được quy định tại khoản 2 văn bản này.
- Đơn vị, cá nhân thuộc NHCSXH.
- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

#### **2. Đối tượng vay vốn**

2.1. Người chấp hành xong án phạt tù (NCHXAPT) bao gồm: người chấp hành xong thời hạn chấp hành án phạt tù đã được cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù quy định tại Luật Thi hành án hình sự và người được đặc xá đã được cấp giấy chứng nhận đặc xá quy định tại Luật Đặc xá.

2.2. Cơ sở sản xuất kinh doanh bao gồm: doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh có sử dụng lao động là NCHXAPT.

#### **3. Điều kiện vay vốn**

##### 3.1. Đối với NCHXAPT

Có nhu cầu vay vốn; có tên trong danh sách NCHXAPT về cư trú tại địa phương, chấp hành tốt các quy định của pháp luật, không tham gia các tệ nạn xã

hội, do Công an cấp xã lập và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận trên Mẫu số 01 kèm theo Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg. Thời gian kể từ khi chấp hành xong án phạt tù đến thời điểm vay vốn tối đa là 05 năm.

### 3.2. Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh

Được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật; sử dụng tối thiểu 10% tổng số lao động là NCHXAPT đáp ứng các điều kiện nêu tại điểm 3.1 khoản 3 văn bản này và ký hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật về lao động; có phương án vay vốn và được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện phương án xác nhận (theo Mẫu số 02 kèm theo Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg).

4. Người chấp hành xong án phạt tù và cơ sở sản xuất kinh doanh quy định tại khoản 2 và khoản 3 văn bản này phải thuộc trường hợp không còn dư nợ tại NHCSXH đối với các chương trình tín dụng khác có cùng mục đích sử dụng vốn vay để đào tạo nghề và sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm theo quy định của pháp luật.

## 5. Nguyên tắc vay vốn

5.1. Khách hàng vay vốn phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay theo quy định tại khoản 6 văn bản này.

5.2. Khách hàng vay vốn phải trả nợ gốc và lãi đúng hạn theo thỏa thuận với NHCSXH trên Hợp đồng tín dụng/Sổ vay vốn đã ký.

## 6. Mục đích sử dụng vốn vay

### 6.1. Đối với vay vốn để đào tạo nghề

Chi phí cho việc học tập, sinh hoạt của NCHXAPT trong thời gian theo học tại các trường đại học (hoặc tương đương đại học), cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. Chi phí này bao gồm: tiền học phí; chi phí mua sắm sách vở, phương tiện học tập; chi phí ăn, ở, đi lại.

### 6.2. Đối với vay vốn để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm

Chi phí để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm gồm chi phí cho việc thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm.

## 7. Phương thức cho vay

### 7.1. Đối với NCHXAPT

a) Thực hiện cho vay thông qua hộ gia đình. Đại diện hộ gia đình của NCHXAPT là người đứng tên vay vốn và giao dịch với NHCSXH. Trường hợp trong hộ gia đình không còn thành viên nào từ đủ 18 tuổi trở lên hoặc những thành viên còn lại không còn sức lao động, không đủ năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật thì NCHXAPT trực tiếp đứng tên vay vốn tại NHCSXH (sau đây gọi chung là người đứng tên vay vốn).

b) NHCSXH nơi cho vay thực hiện cho vay theo phương thức ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội theo quy định của NHCSXH.

## 7.2. Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh

NHCSXH nơi cho vay thực hiện cho vay trực tiếp.

## 8. Mức vốn cho vay

### 8.1. Đối với vay vốn để đào tạo nghề

Mức vốn cho vay tối đa là 04 triệu đồng/tháng/NCHXAPT.

### 8.2. Đối với vay vốn để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm

a) NCHXAPT: mức vốn cho vay tối đa là 100 triệu đồng/NCHXAPT.

b) Cơ sở sản xuất kinh doanh: mức vốn cho vay tối đa là 02 tỷ đồng/dự án và không quá 100 triệu đồng/người lao động tại cơ sở sản xuất kinh doanh.

## 9. Lãi suất cho vay

9.1. Lãi suất cho vay bằng lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định theo từng thời kỳ.

9.2. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

## 10. Thời hạn cho vay

### 10.1. Đối với vay vốn để đào tạo nghề

a) Thời hạn cho vay là khoảng thời gian được tính từ ngày người đứng tên vay vốn bắt đầu nhận vốn vay cho đến ngày trả hết nợ (gốc và lãi). Thời hạn cho vay bao gồm thời hạn phát tiền vay và thời hạn trả nợ.

b) Thời hạn phát tiền vay là khoảng thời gian tính từ ngày người đứng tên vay vốn nhận món vay đầu tiên cho đến ngày NCHXAPT kết thúc khoá học, kể cả thời gian NCHXAPT được các cơ sở đào tạo nghề cho phép nghỉ học có thời hạn và được bảo lưu kết quả học tập (nếu có).

c) Thời hạn trả nợ được chia thành các kỳ hạn trả nợ do NHCSXH quy định, như sau:

Đối với các chương trình đào tạo có thời gian đào tạo không quá một năm, thời hạn trả nợ tối đa bằng 02 lần thời hạn phát tiền vay.

Đối với các chương trình đào tạo khác, thời hạn trả nợ tối đa bằng thời hạn phát tiền vay.

### 10.2. Đối với vay vốn để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm

Thời hạn cho vay tối đa 120 tháng. Thời hạn cho vay cụ thể do NHCSXH nơi cho vay xem xét, quyết định trên cơ sở căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh, khả năng trả nợ của người đứng tên vay vốn/cơ sở sản xuất kinh doanh

để thỏa thuận với người đứng tên vay vốn/cơ sở sản xuất kinh doanh.

## **11. Bảo đảm tiền vay**

11.1. NCHXAPT vay vốn để đào tạo nghề và sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm không phải thực hiện bảo đảm tiền vay.

11.2. Cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng lao động là NCHXAPT vay vốn trên 100 triệu đồng phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật và NHCSXH về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ vay vốn.

## **12. Hồ sơ, quy trình thủ tục cho vay đối với NCHXAPT**

### **12.1. Hồ sơ vay vốn**

a) Hồ sơ do người đứng tên vay vốn lập và cung cấp

- Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD).
- Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ nếu có).
- Giấy xác nhận của cơ sở đào tạo nghề (mẫu số 01/TDSV đính kèm văn bản số 720/NHCS-TDNN-TDSV ngày 29/3/2011) đối với trường hợp vay vốn để đào tạo nghề.

b) Hồ sơ do Tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) lập

- Biên bản họp Tổ TK&VV (mẫu số 10C/TD).
- Danh sách tổ viên đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD).

c) Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay lập: Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD).

d) Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay, người đứng tên vay vốn cùng lập: Sổ vay vốn.

### **12.2. Quy trình cho vay**

a) Người đứng tên vay vốn

- Người đứng tên vay vốn gửi 01 liên Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD) và giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ nếu có) đến Tổ TK&VV nơi người đứng tên vay vốn đang cư trú hợp pháp.

b) Tại Tổ TK&VV

- Tổ TK&VV tổ chức họp bình xét cho vay dưới sự giám sát, chứng kiến của Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố và người đại diện tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã). Trường hợp người đứng tên vay vốn chưa là tổ viên Tổ TK&VV thì Tổ TK&VV tổ chức họp kết nạp bổ sung tổ viên.

- Lập danh sách tổ viên đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD) kèm bộ hồ sơ vay vốn của người đứng tên vay vốn và biên bản họp Tổ TK&VV (mẫu số 10C/TD) trình UBND cấp xã xác nhận.

Khi lập danh sách tổ viên đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD) cần lưu ý: trường hợp người đứng tên vay vốn không trùng với tên NCHXAPT trong Danh sách NCHXAPT có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn NHCSXH theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg do cơ quan có thẩm quyền lập và phê duyệt thì tại cột 2- Họ và tên: ghi tên người đại diện đứng tên vay vốn, tại cột 3- Đối tượng thụ hưởng: Ghi tên NCHXAPT đồng thời kê khai rõ mối quan hệ với người đứng tên vay vốn.

c) Tại UBND cấp xã

Căn cứ bộ hồ sơ vay vốn do Tổ TK&VV gửi tới, UBND cấp xã thực hiện việc xác nhận trên danh sách tổ viên đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD) sau đó gửi Tổ TK&VV để gửi NHCSXH nơi cho vay.

d) Tại NHCSXH nơi cho vay

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ bộ hồ sơ vay vốn, cán bộ tín dụng được phân công thực hiện kiểm tra, tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn, đối chiếu tên NCHXAPT trong hồ sơ vay vốn với Danh sách NCHXAPT có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn NHCSXH mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg do cơ quan có thẩm quyền lập và phê duyệt. Nếu đảm bảo các yếu tố theo quy định thì trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Kế hoạch - Nghiệp vụ kiểm soát để trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét, phê duyệt. NHCSXH nơi cho vay gửi Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD) cho UBND cấp xã thông báo cho Tổ TK&VV để thông báo cho người đứng tên vay vốn đến trụ sở NHCSXH nơi cho vay hoặc Điểm giao dịch xã làm thủ tục nhận tiền vay theo quy định.

### 12.3. Giải ngân

Căn cứ bộ hồ sơ vay vốn đã được phê duyệt, NHCSXH nơi cho vay giải ngân cho người đứng tên vay vốn bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản tiền gửi thanh toán của người đứng tên vay vốn.

Đối với vay vốn để đào tạo nghề: việc giải ngân được áp dụng theo quy định hiện hành của NHCSXH về giải ngân của chương trình tín dụng đối với học sinh, sinh viên theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg.

### 12.4. Định kỳ hạn trả nợ gốc, trả lãi, thu nợ, thu lãi

a) Định kỳ hạn trả nợ gốc, trả lãi

- Đối với cho vay ngắn hạn: trả nợ gốc một lần khi đến hạn.

- Đối với cho vay trung và dài hạn:

+ Đối với mục đích cho vay để đào tạo nghề: khi giải ngân số tiền cho vay của kỳ học cuối cùng, NHCSXH nơi cho vay cùng người đứng tên vay vốn thỏa

thuận việc định kỳ hạn trả nợ của toàn bộ số tiền cho vay. Kỳ hạn trả nợ gốc tối đa 12 tháng/lần kể từ ngày nhận tiền vay kỳ cuối cùng.

+ Đối với mục đích cho vay để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm: kỳ hạn trả nợ gốc tối đa 06 tháng/lần kể từ ngày nhận món vay đầu tiên.

- Trả lãi: định kỳ trả lãi theo tháng.

b) Trường hợp người đứng tên vay vốn chưa trả được nợ gốc phân kỳ theo đúng kỳ hạn trả nợ thì được theo dõi vào kỳ hạn trả nợ tiếp theo nhưng không quá kỳ hạn trả nợ cuối cùng.

c) Thu nợ, thu lãi

- NHCSXH nơi cho vay thực hiện thu nợ, thu lãi theo quy định hiện hành.

- Người đứng tên vay vốn có thể trả nợ trước hạn.

- Trường hợp người đứng tên vay vốn trả nợ trước hạn, trả nợ quá hạn thì thu gốc đến đâu, thu hết lãi tương ứng của phần gốc đó.

#### 12.5. Kiểm tra sau cho vay

a) Việc kiểm tra sau cho vay được thực hiện theo các quy định hiện hành về quy trình, phương pháp kiểm tra, giám sát hoạt động nhận ủy thác cho vay. Kết quả kiểm tra phải được ghi vào Phiếu kiểm tra sử dụng vốn vay (mẫu số 06/TD hoặc 06A/TD).

b) Đối với trường hợp vay vốn để mua máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, người đứng tên vay vốn có trách nhiệm lưu giữ và cung cấp tài liệu/hóa đơn/chứng từ chứng minh việc sử dụng tiền vay NHCSXH đúng mục đích xin vay. Khi kiểm tra, cán bộ kiểm tra ghi nhận tài liệu/hóa đơn/chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay trên phiếu kiểm tra sử dụng vốn vay (mẫu số 06/TD hoặc 06A/TD).

#### 12.6. Xử lý nợ

a) Gia hạn nợ

Việc gia hạn nợ được thực hiện theo quy định hiện hành của NHCSXH.

b) Chuyển nợ quá hạn

- Đối với trường hợp sử dụng vốn vay sai mục đích và được ghi nhận trong Phiếu kiểm tra sử dụng vốn vay (mẫu số 06/TD hoặc 06A/TD), trong thời gian tối đa 30 ngày kể từ ngày ghi nhận trong Phiếu kiểm tra sử dụng vốn vay, NHCSXH nơi cho vay đôn đốc thu hồi, nếu người đứng tên vay vốn không trả hết số nợ sử dụng sai mục đích thì chuyển số nợ sử dụng sai mục đích còn lại sang quá hạn.

c) Đến hạn trả nợ gốc cuối cùng được ghi trong Sổ vay vốn, nếu người đứng tên vay vốn không trả được nợ và không được NHCSXH cho gia hạn nợ

thì chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại của khoản vay sang nợ quá hạn đồng thời tiến hành đơn đốc thu hồi nợ.

d) Khi chuyển nợ quá hạn, NHCSXH nơi cho vay gửi Thông báo chuyển nợ quá hạn cho Tổ TK&VV (mẫu số 14/TD) để Tổ TK&VV thông báo cho người đứng tên vay vốn. Đồng thời phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương và cơ quan có thẩm quyền để tìm biện pháp thu hồi nợ hoặc chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật để xử lý thu hồi theo quy định của pháp luật.

### **13. Hồ sơ, quy trình thủ tục cho vay đối với cơ sở sản xuất kinh doanh**

#### **13.1. Hồ sơ vay vốn**

a) Hồ sơ do cơ sở sản xuất kinh doanh lập và cung cấp

- Phương án vay vốn (mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg).

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu các giấy tờ phù hợp với loại hình hoạt động:

+ (i) Đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; (ii) Đối với Hợp tác xã là Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; (iii) Đối với Tổ hợp tác là Hợp đồng hợp tác; (iv) Đối với Hộ kinh doanh là Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

Riêng Tổ hợp tác và Hộ kinh doanh có từ hai thành viên trở lên: văn bản ủy quyền có công chứng hoặc chứng thực của UBND cấp xã do các thành viên ủy quyền cho một thành viên là người đại diện thực hiện các giao dịch liên quan đến vay vốn tại NHCSXH.

+ Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc pháp luật có quy định).

+ Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn hiệu lực của người đại diện hợp pháp của cơ sở sản xuất kinh doanh .

+ Văn bản bổ nhiệm hoặc cử người đứng đầu pháp nhân theo quy định của Điều lệ tổ chức hoặc Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu: Điều lệ của doanh nghiệp/Hợp tác xã.

- Bản gốc/Bản chính văn bản của chủ sở hữu hoặc đại diện có thẩm quyền thực hiện quyền của chủ sở hữu doanh nghiệp/Hợp tác xã chấp thuận/phê duyệt cho doanh nghiệp/Hợp tác xã vay vốn tại NHCSXH (theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ doanh nghiệp/Hợp tác xã có quy định).

- Bản gốc/Bản chính/Bản sao có chứng thực Giấy ủy quyền (nếu có).

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Hợp đồng lao động của NCHXAPT đang làm việc tại cơ sở sản xuất kinh doanh.

- Bản gốc/Bản chính Danh sách tổng số lao động tại cơ sở sản xuất kinh doanh.

- Trường hợp cơ sở sản xuất kinh doanh là Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hợp tác xã : Bản gốc/Bản chính: Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật trong 02 năm liền kề và báo cáo nhanh về tình hình tài chính kể từ đầu năm tài chính đến thời điểm vay vốn. Nếu Doanh nghiệp/Hợp tác xã có thời gian hoạt động dưới 02 năm thì gửi báo cáo tài chính năm đã hoạt động (nếu có) và báo cáo nhanh về tình hình tài chính kể từ đầu năm tài chính đến thời điểm vay.

b) Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay lập

- Thông báo tiếp nhận hồ sơ vay vốn (mẫu số 02a/TDNCHXAPT).

- Báo cáo thẩm định (mẫu số 03/TDNCHXAPT).

- Thông báo phê duyệt cho vay (mẫu số 04a/TDNCHXAPT).

- Thông báo từ chối cho vay (mẫu số 04b/TDNCHXAPT).

c) Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay, cơ sở sản xuất kinh doanh cùng lập: Hợp đồng tín dụng (mẫu số 05/TDNCHXAPT).

d) Hồ sơ bảo đảm tiền vay thực hiện theo quy định của NHCSXH (nếu có).

### 13.2. Quy trình, thủ tục cho vay

a) Cơ sở sản xuất kinh doanh gửi hồ sơ quy định tại tiết a điểm 13.1 khoản 13 văn bản này tới NHCSXH nơi cho vay. Đối với mức vay đến 100 triệu đồng trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ vay vốn của cơ sở sản xuất kinh doanh; đối với mức vay trên 100 triệu đồng trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ vay vốn của cơ sở sản xuất kinh doanh, cán bộ được phân công tiếp nhận bộ hồ sơ và thực hiện các công việc sau:

- Kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ vay vốn:

+ Đối với các loại giấy tờ quy định tại tiết a điểm 13.1 khoản 13 văn bản này và các giấy tờ liên quan khác của cơ sở sản xuất kinh doanh (nếu có), NHCSXH nơi cho vay yêu cầu cơ sở sản xuất kinh doanh cung cấp bản chính để kiểm tra đối chiếu. Cán bộ tín dụng kiểm tra, đối chiếu ký xác nhận trên bản sao. Trường hợp cơ sở sản xuất kinh doanh cung cấp bản sao chứng thực thì không phải kiểm tra đối chiếu với bản chính.

+ Đối chiếu tên người lao động là NCHXAPT đang làm việc tại cơ sở sản xuất kinh doanh với Danh sách NCHXAPT có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn NHCSXH do cơ quan có thẩm quyền lập và phê duyệt (mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ).



- Thẩm định phương án vay vốn, trình phê duyệt cho vay: Trường hợp hồ sơ vay vốn đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, cán bộ thẩm định phương án vay vốn và lập Báo cáo thẩm định (mẫu 03/TDNCHXAPT) trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Kế hoạch - nghiệp vụ kiểm soát, sau đó trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét phê duyệt. Đồng thời lập Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu 04a/TDNCHXAPT) gửi cơ sở sản xuất kinh doanh. Trường hợp cơ sở sản xuất kinh doanh không đủ điều kiện phê duyệt cho vay, NHCSXH nơi cho vay lập Thông báo từ chối cho vay (mẫu số 04b/TDNCHXAPT) gửi cơ sở sản xuất kinh doanh.

b) Sau khi có kết quả phê duyệt cho vay, NHCSXH nơi cho vay cùng cơ sở sản xuất kinh doanh lập Hợp đồng tín dụng (mẫu số 05/TDNCHXAPT).

c) Trường hợp phải thực hiện bảo đảm tiền vay, NHCSXH nơi cho vay và bên thế chấp thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật và NHCSXH.

d) Sau khi hồ sơ vay vốn được hoàn thiện, cán bộ tín dụng được phân công bàn giao cho bộ phận kế toán để thực hiện giải ngân cho cơ sở sản xuất kinh doanh.

### 13.3. Tài khoản thanh toán của cơ sở sản xuất kinh doanh

Trường hợp cơ sở sản xuất kinh doanh có nhu cầu mở tài khoản tiền gửi thanh toán thì NHCSXH nơi cho vay thực hiện mở tài khoản thanh toán cho cơ sở sản xuất kinh doanh theo quy định hiện hành. Thời điểm mở tài khoản thanh toán được thực hiện trước khi NHCSXH giải ngân.

### 13.4. Giải ngân

Căn cứ Hợp đồng tín dụng đã ký, NHCSXH nơi cho vay giải ngân cho cơ sở sản xuất kinh doanh bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản tiền gửi thanh toán của cơ sở sản xuất kinh doanh theo quy định.

### 13.5. Định kỳ hạn trả nợ, trả lãi, thu nợ, thu lãi

#### a) Định kỳ hạn trả nợ, trả lãi

- Đối với cho vay ngắn hạn: Trả nợ gốc một lần khi đến hạn.

- Đối với cho vay trung và dài hạn: Kỳ hạn trả nợ gốc tối đa 06 tháng/lần kể từ ngày nhận món vay đầu tiên.

- Trả lãi: Định kỳ trả lãi theo tháng.

#### b) Thu nợ, thu lãi

- Cơ sở sản xuất kinh doanh chuyển khoản hoặc nộp tiền mặt vào tài khoản thanh toán đã mở tại NHCSXH nơi cho vay. NHCSXH nơi cho vay thực hiện trích từ tài khoản thanh toán để thu nợ, thu lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Cơ sở sản xuất kinh doanh được trả nợ gốc trước hạn sau khi trả hết nợ lãi.

- Trường hợp cơ sở sản xuất kinh doanh trả nợ quá hạn thì thu gốc đến đâu, thu hết lãi tương ứng của phần gốc đó.

### 13.6. Kiểm tra sau cho vay

Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày giải ngân, NHCSXH nơi cho vay tổ chức thực hiện kiểm tra trực tiếp. Kết quả kiểm tra phải được ghi vào Biên bản kiểm tra (mẫu số 06/TDNCHXAPT). Đối với trường hợp vay vốn để mua máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động kinh doanh, cơ sở sản xuất kinh doanh có trách nhiệm lưu giữ và cung cấp tài liệu hóa đơn/chứng từ chứng minh việc sử dụng tiền vay NHCSXH đúng mục đích xin vay. Khi kiểm tra, cán bộ kiểm tra ghi nhận tài liệu/hóa đơn/chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay trên Biên bản kiểm tra (mẫu số 06/TDNCHXAPT).

NHCSXH có trách nhiệm kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, mục đích sử dụng vốn vay và trả nợ của cơ sở sản xuất kinh doanh, nhằm đôn đốc cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện đúng và đầy đủ những cam kết đã thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng.

### 13.7. Xử lý nợ

#### a) Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc

Đối với cho vay có thời hạn trên 12 tháng: trường hợp cơ sở sản xuất kinh doanh chưa trả nợ gốc đúng kỳ hạn đã thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng, trước 05 ngày đến hạn trả nợ, cơ sở sản xuất kinh doanh phải có Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn nợ (mẫu số 08/TDNCHXAPT) gửi NHCSXH nơi cho vay. NHCSXH nơi cho vay xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ vào kỳ trả nợ tiếp theo. Việc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ có thể được thực hiện một hay nhiều lần nhưng thời gian điều chỉnh không được vượt quá 6 tháng cho mỗi kỳ hạn trả nợ.

#### b) Gia hạn nợ

Việc gia hạn nợ được thực hiện theo quy định hiện hành của NHCSXH.

#### c) Chuyển nợ quá hạn

- Đối với trường hợp cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng vốn vay sai mục đích và được ghi nhận trong Biên bản kiểm tra (mẫu số 06/TDNCHXAPT), NHCSXH nơi cho vay đôn đốc thu hồi. Trong thời gian tối đa 30 ngày kể từ ngày NHCSXH nơi cho vay lập Biên bản kiểm tra, nếu cơ sở sản xuất kinh doanh không trả hết số nợ sử dụng sai mục đích thì chuyển số nợ sử dụng sai mục đích còn lại sang quá hạn.

- Đến kỳ hạn trả nợ kể cả nợ của kỳ hạn trước đó đã được điều chỉnh mà cơ sở sản xuất kinh doanh chưa trả được, không được NHCSXH nơi cho vay

xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì NHCSXH nơi cho vay chuyển số dư nợ đó sang quá hạn.

- Đến hạn trả nợ gốc cuối cùng được ghi trong Hợp đồng tín dụng, nếu cơ sở sản xuất kinh doanh không trả được nợ và không được NHCSXH cho gia hạn nợ thì chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại sang nợ quá hạn.

- Khi chuyển nợ quá hạn, NHCSXH nơi cho vay gửi Thông báo chuyển nợ quá hạn cho cơ sở sản xuất kinh doanh (mẫu số 10/TDNCHXAPT). Đồng thời phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương và cơ quan có thẩm quyền để tìm biện pháp thu hồi nợ hoặc chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật để xử lý thu hồi theo quy định của pháp luật.

#### **14. Xử lý nợ bị rủi ro**

Việc xử lý nợ bị rủi ro được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

#### **15. Hạch toán kế toán và lưu giữ hồ sơ vay vốn**

Công tác hạch toán kế toán và lưu giữ hồ sơ vay vốn được thực hiện theo quy định của NHCSXH.

#### **16. Chế độ báo cáo thống kê**

Chế độ báo cáo thống kê được thực hiện theo các quy định của NHCSXH.

#### **17. Tổ chức thực hiện**

Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố và Phòng giao dịch NHCSXH có trách nhiệm:

17.1. Báo cáo UBND, Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cùng cấp về việc triển khai thực hiện Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg, các nội dung hướng dẫn tại văn bản này và các văn bản có liên quan.

17.2. Thực hiện đúng quy định của Thủ tướng Chính phủ và văn bản hướng dẫn này về chính sách cho vay đối với NCHXAPT. Tổ chức tập huấn nghiệp vụ, quán triệt đến toàn thể cán bộ trong đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan để thực hiện có hiệu quả Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg và văn bản hướng dẫn này.

17.3. Chủ động phối hợp với các cơ quan có liên quan tuyên truyền, phổ biến chính sách cho vay đối với NCHXAPT theo Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg đến các cấp, các ngành và người dân biết để thực hiện và giám sát.

#### **18. Hiệu lực thi hành**

18.1. Văn bản này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/10/2023 và thay thế văn bản số 6019/NHCS-TDSV ngày 30/6/2021 của Tổng Giám đốc về việc cho vay đối với người chấp hành xong hình phạt tù. Những nội dung không hướng dẫn tại văn bản này, thực hiện theo quy định tại Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg.

## 18.2. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các khoản vay đã được NHCSXH phê duyệt cho vay trước ngày văn bản này có hiệu lực thì hành thì tiếp tục thực hiện theo các nội dung quy định tại văn bản số 6019/NHCS-TDSV và các văn bản khác có liên quan.

18.3. Trường hợp sau ngày ban hành văn bản này có sự thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật dẫn đến việc áp dụng văn bản này trái với quy định của pháp luật hiện hành thì NHCSXH nơi cho vay thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

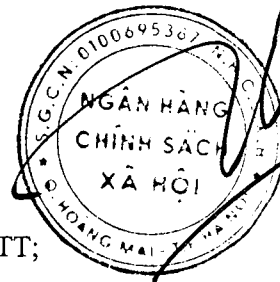
18.4. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung văn bản này do Tổng Giám đốc NHCSXH quyết định. Yêu cầu Giám đốc Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố và các đơn vị có liên quan trong hệ thống NHCSXH tổ chức triển khai thực hiện.

Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị báo cáo về Hội sở chính NHCSXH xem xét, giải quyết./.

### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an;
- Ngân hàng Nhà nước;
- Hội LHPN, HCCB, HND, ĐTN (để phối hợp);
- Các thành viên HĐQT NHCSXH;
- Các thành viên CGTV HĐQT NHCSXH;
- Trưởng BDD HĐQT NHCSXH các cấp;
- TGD, TBKS NHCSXH;
- Các PTGD, KTT;
- Các Ban CMNV tại Hội sở chính;
- Sở Giao dịch, Trung tâm Đào tạo, Trung tâm CNTT;
- Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, TP;
- Website NHCSXH;
- Lưu: VT, TDSV.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Huỳnh Văn Thuận**

NHCSXH TỈNH/TP.....  
 PGD HUYỆN.....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**THÔNG BÁO**  
**TIẾP NHẬN HỒ SƠ VAY VỐN**

Vào hồi .....giờ.....phút, ngày ..... tháng ..... năm ....., Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội ..... đã tiếp nhận hồ sơ vay vốn của khách hàng:

Tên cơ sở sản xuất kinh doanh:.....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại:.....Email:.....

Tên người đại diện (nếu có):.....

Số điện thoại:.....Email:.....

Hồ sơ vay vốn gồm có:

STT	Tên giấy tờ <sup>1</sup>	Tình trạng
1	Phương án vay vốn	Bản gốc .....
2	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	<input type="checkbox"/> Bản chính <input type="checkbox"/> Bản sao có chứng thực <input type="checkbox"/> Bản sao đã đối chiếu bản chính
3	Giấy phép hành nghề đối với các trường hợp hoạt động thương mại phải có giấy phép hành nghề	<input type="checkbox"/> Bản chính <input type="checkbox"/> Bản sao có chứng thực <input type="checkbox"/> Bản sao đã đối chiếu bản chính
4	Văn bản bổ nhiệm hoặc cử người đứng đầu pháp nhân theo quy định của Điều lệ tổ chức hoặc Quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền	<input type="checkbox"/> Bản chính <input type="checkbox"/> Bản sao có chứng thực <input type="checkbox"/> Bản sao đã đối chiếu bản chính

<sup>1</sup> Thông báo được lập trực tiếp khi nhận được hồ sơ của khách hàng. Cán bộ được phân công kiểm tra tình trạng hồ sơ và phản ánh các hồ sơ thực nhận vào Thông báo, bổ sung, xóa bỏ các nội dung không liên quan trình Giám đốc ký gửi cơ sở sản xuất kinh doanh.

5	Giấy ủy quyền (nếu có)	<input type="checkbox"/> Bản chính <input type="checkbox"/> Bản gốc <input type="checkbox"/> Bản sao có công chứng <input type="checkbox"/> Bản sao đã đối chiếu bản gốc/bản chính
6	Căn cước công dân/ Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu (còn hiệu lực)	<input type="checkbox"/> Bản chính <input type="checkbox"/> Bản sao có chứng thực <input type="checkbox"/> Bản sao đã đối chiếu bản chính
7	Điều lệ/Quy chế tổ chức hoạt động của khách hàng vay vốn và đối tượng vay vốn (nếu có).	<input type="checkbox"/> Bản chính <input type="checkbox"/> Bản gốc <input type="checkbox"/> Bản sao có chứng thực <input type="checkbox"/> Bản sao đã đối chiếu bản gốc/bản chính
8	Các giấy tờ khác ..... .....	<input type="checkbox"/> Bản chính <input type="checkbox"/> Bản gốc <input type="checkbox"/> Bản sao có chứng thực <input type="checkbox"/> Bản sao đã đối chiếu bản gốc/bản chính

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội .....  
sẽ gửi Thông báo kết quả phê duyệt cho vay/Thông báo từ chối cho vay trực tiếp  
đến Quý khách hàng chậm nhất ngày ...../...../.....về địa chỉ của khách hàng.

**CÁN BỘ TIẾP NHẬN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**GIÁM ĐỐC**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

NHCSXH TỈNH/TP.....  
PGD HUYỆN.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

## BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

1. Tên phương án:.....
2. Họ và tên người đại diện vay vốn:.....Chức vụ:.....
3. CMND/Hộ chiếu/Thẻ CCCD số:.....  
Ngày cấp:...../...../.....nơi cấp:.....
4. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
5. Điện thoại liên hệ:.....
6. Nơi thực hiện phương án:.....

### A. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

#### I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Tên Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Tổ hợp tác/Hộ kinh doanh:  
.....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Điện thoại: ..... Fax: .....  
Email: .....
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số:  
Ngày cấp: ..... Cơ quan cấp: .....  
Hoặc hợp đồng hợp tác số: .....
5. Họ và tên người đại diện: ..... Chức vụ: .....  
Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số: .....  
Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....
- Quyết định bổ nhiệm số: ..... Ngày: ..... Do: ..... quyết định  
Hoặc giấy ủy quyền số: ..... Ngày: ..... Do: ..... ủy quyền
6. Mã số thuế: .....
7. Vốn điều lệ/Vốn góp/Vốn tự có: ..... đồng.

#### II. PHÂN TÍCH ĐỊNH TÍNH

1. Lịch sử phát triển (ngày thành lập, thời gian hoạt động tại địa phương hiện tại, lý do khởi nghiệp kinh doanh, quá trình thay đổi ngành nghề hoặc ngừng hoạt động kinh doanh...):

.....  
.....  
.....

2. Năng lực của người điều hành (tính chân thật, độ tin cậy, tình trạng sức khỏe, sự ủng hộ của gia đình, trình độ...)

.....  
.....  
.....

3. Mặt hàng và dịch vụ kinh doanh (chi tiết về sản phẩm, dịch vụ, điểm khác biệt so với các cơ sở sản xuất, kinh doanh khác, sức cạnh tranh, nhu cầu của thị trường, hướng tới tầng lớp, đối tác giao dịch nào...)

.....  
.....  
.....

4. Đối tác giao dịch chủ yếu

a) Đối tác mua hàng (nhà cung ứng) chủ yếu

Đối tác mua hàng	Số năm giao dịch	Tỷ trọng giao dịch

b) Đối tác bán hàng (người tiêu thụ) chủ yếu

Đối tác bán hàng	Số năm giao dịch	Tỷ trọng giao dịch

5. Điều tra thực địa (biển tên và biển hiệu; địa chỉ và tình trạng văn phòng, cửa hàng, nhà máy, tình trạng máy móc thiết bị, hàng tồn kho...)

.....  
.....  
.....



### III. PHÂN TÍCH ĐỊNH LƯỢNG

#### 1. Bảng tính toán lỗ, lãi

*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Năm	Giá trị trên tài liệu xác nhận	Năm	Giá trị trên tài liệu xác nhận
1	Tổng doanh thu				
2	Tổng chi phí				
3	Thuế TNDN				
4	Lợi nhuận				

Nhận xét, đánh giá:

.....

.....

.....

#### 2. Bảng đối chiếu tài sản có và tài sản nợ (nếu có)

*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Hạng mục	Năm	Giá trị trên tài liệu xác nhận	Năm	Giá trị trên tài liệu xác nhận
1	Tiền mặt - tiền gửi				
2	Tiền bán chịu				
3	Tồn kho (vật tư, thành phẩm, sản phẩm dở dang)				
4	Tài sản cố định				
5	Các tài sản khác				
6	Tổng tài sản có (1+2+3+4+5)				
7	Tiền mua chịu				
8	Tiền vay				
9	Các nợ khác				



10	Tổng công nợ (7+8+9)				
11	Nguồn vốn chủ sở hữu (6-10)				
12	Tổng tài sản Nợ (10+11)				

Nhận xét, đánh giá :

.....  
 .....

**3. Tình hình sử dụng lao động:**

Tổng số lao động hiện có: .....người, trong đó:

- Lao động là NCHXAPT: người, chiếm tỷ lệ.....% tổng số lao động.

Nhận xét, đánh giá:

.....  
 .....

**IV. ĐÁNH GIÁ PHƯƠNG ÁN VAY VỐN VÀ NHU CẦU VAY VỐN**

- Tên phương án vay vốn:.....

- Nơi thực hiện phương án:.....

**1. Nội dung phương án vay vốn**

- Mở rộng, cải tạo nhà xưởng, kho bãi:

+ Diện tích mở rộng, cải tạo: .....

+ Chi phí mở rộng, cải tạo: .....

- Đầu tư trang thiết bị:

+ Máy móc, thiết bị (chủng loại, số lượng, giá trị): .....

+ Phương tiện (chủng loại, số lượng, giá trị): .....

- Đầu tư vốn lưu động: Vật tư, nguyên, nhiên liệu, hàng hóa, dịch vụ (chủng loại, số lượng, giá trị): .....

**2. Phương án sử dụng lao động**

Tổng số lao động:.....người, trong đó:

- Số người lao động là người chấp hành xong án phạt tù:.....người, chiếm tỷ lệ.....% tổng số lao động.

**3. Phân tích hiệu quả dự án và dự báo thu - chi tiền mặt sau khi vay vốn**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Hạng mục	Cán bộ thẩm định tính toán		Theo dự án vay vốn của khách hàng	Chênh lệch
		Cách tính	Giá trị		
1	Tổng doanh thu				
2	Tổng chi phí				
3	Thuế TNDN				
4	Lợi nhuận				

\* Các mục trên đều là số ước tính số thực thu, thực chi trong 1 năm dự án  
Nhận xét, đánh giá:

.....  
.....

**4. Tổng nguồn vốn thực hiện phương án:**.....đồng,  
trong đó:

- Vốn tự có:..... đồng

- Vốn đề nghị vay Ngân hàng: .....đồng

Sử dụng vào các việc: .....

.....

**5. Thời điểm bắt đầu thực hiện dự án:** Tháng.....năm.....

**6. Nguồn tiền trả nợ ngân hàng:**

- Khấu hao tài sản từ vốn vay:.....đồng;

- Khấu hao tài sản từ nguồn vốn tự có:.....đồng;

- Lợi nhuận từ dự án và các nguồn khác:.....đồng;

- Dự kiến tổng số tiền trả nợ một năm là:.....đồng;

Nhận xét, đánh giá:.....

.....

**7. Tài sản bảo đảm tiền vay**

STT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	GIẤY TỜ VỀ TÀI SẢN	GIÁ TRỊ (ước tính)

--	--	--	--	--

Nhận xét, đánh giá (tính pháp lý, giá trị TSBĐ, khả năng chuyển nhượng, khả năng quản lý tài sản).....

.....

**V. KẾT LUẬN:** (đánh giá chung về tình hình doanh nghiệp, tình hình tài chính của cơ sở sản xuất kinh doanh, tính khả thi của phương án, tiềm năng sản xuất, hiệu quả kinh tế, khả năng hoàn trả nợ, số lao động là NCHXAPT được tạo việc làm, mục đích vay vốn, điều kiện về hồ sơ pháp lý đảm bảo tiền vay):

.....

.....

.....

### **C. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CHO VAY**

Căn cứ phương án vay vốn và kết quả thẩm định, đề nghị:

Không phê duyệt cho vay. Lý do:.....

.....

.....

Phê duyệt cho vay với nội dung cụ thể như sau:

1. Mức đề nghị cho vay: tổng số tiền: .....đồng

2. Thời hạn cho vay ..... tháng

3. Lãi suất cho vay: ..... %/năm

4. Lãi suất nợ quá hạn: .....%/năm

5. Trả gốc:.....tháng/lần;

Trả lãi theo:.....

6. Tiền vay sử dụng vào việc:

.....

.....

.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

**CÁN BỘ TÍN DỤNG**

(Ký, ghi rõ họ và tên)

### **D. KIỂM SOÁT VÀ PHÊ DUYỆT CHO VAY**

Ngày.....tháng.....năm 20.....

**TRƯỞNG PHÒNG (TỔ TRƯỞNG)**

**TÍN DỤNG**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**GIÁM ĐỐC**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

NHCSXH TỈNH/TP.....  
PGD HUYỆN.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**THÔNG BÁO**  
**KẾT QUẢ PHÊ DUYỆT CHO VAY**

Kính gửi:.....<sup>1</sup>

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội .....  
thông báo phê duyệt cho vay đối với Quý khách hàng doanh như sau:

1. Tổng số tiền cho vay

Bằng số ..... đồng.

(Bằng chữ.....).

3. Mục đích sử dụng vốn vay.....

4. Lãi suất:

- Lãi suất cho vay: .....%/năm

- Lãi suất nợ quá hạn: .....%/năm

5. Thời hạn cho vay: ..... tháng.

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội  
..... trân trọng thông báo để Quý khách hàng  
đến địa chỉ ..... vào lúc .....  
giờ.....phút, ngày ..... tháng ..... năm..... để ký Hợp đồng tín dụng và  
làm các thủ tục liên quan theo quy định.

Để biết thêm thông tin chi tiết, Quý khách hàng liên hệ số điện thoại:.....

**GIÁM ĐỐC**  
(Ký tên, đóng dấu)

<sup>1</sup> Mẫu được soạn thảo sau khi được phê duyệt cho vay, phần kính gửi ghi rõ tên cơ sở sản xuất kinh doanh.

NHCSXH TỈNH/TP.....  
PGD HUYỆN.....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**THÔNG BÁO**  
**TỪ CHỐI CHO VAY**

Kính gửi: .....<sup>1</sup>

Vào hồi .....giờ.....phút, ngày ..... tháng ..... năm 20.....,  
Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội .....  
nhận được hồ sơ vay vốn của Quý khách hàng gửi đến.


Sau khi kiểm tra, đối chiếu, Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội.....thông báo từ chối cho vay đối với Quý khách hàng vì những lý do như sau:

1. ....
2. ....
3. ....

Trường hợp Quý khách hàng có nhu cầu nhận lại hồ sơ đã nộp vào Ngân hàng, trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Chính sách xã hội ký thông báo này, đề nghị Quý khách hàng đến Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội ..... để nhận lại hồ sơ. Nếu quá 05 ngày làm việc Quý khách hàng không đến nhận lại hồ sơ, Ngân hàng Chính sách xã hội sẽ thực hiện hủy hồ sơ vay vốn theo quy định./.

**GIÁM ĐỐC**  
(Ký tên, đóng dấu)

<sup>1</sup> Mẫu được soạn thảo trong trường hợp khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, phần kính gửi ghi rõ tên cơ sở sản xuất kinh doanh.



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG<sup>1</sup>**  
**Số: ...../20.../HĐTD**

*Căn cứ Bộ luật Dân sự 2015 và các quy định pháp luật khác có liên quan;*

*Căn cứ Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù;*

*Căn cứ văn bản số 3768/NHCS-TDSV ngày 28/8/2018 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn thực hiện bảo đảm tiền vay trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội;*

*Căn cứ văn bản số ...../NHCS-TDSV ngày .../.../2023 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người chấp hành xong án phạt tù;*

*Căn cứ hồ sơ vay vốn của .....,*

*Hôm nay, ngày .... tháng .... năm ....., tại trụ sở Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội ....., chúng tôi gồm:*

**I. Bên cho vay**

- Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại: .....
- Người đại diện: ..... Chức vụ: .....

**II. Bên vay <sup>2</sup>**

- Tên tổ cơ sở sản xuất, kinh doanh: .....
- Họ và tên người đại diện: ..... Chức vụ: .....
- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số: .....
- Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....
- Giấy ủy quyền (nếu có): số.....ngày: ...../...../.....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: ..... Fax: .....

<sup>1</sup> Hợp đồng được đánh máy, in, đóng dấu giáp lai giữa các trang và Tổ trưởng hoặc Trưởng Phòng KHNVTĐ ký tất từng trang. Mẫu hợp đồng dùng chung, NHCSXH nơi cho vay bỏ các nội dung không liên quan khi thỏa thuận với Bên vay.

<sup>2</sup> Tùy thuộc vào loại hình cơ sở sản xuất kinh doanh để điền thông tin cho phù hợp



- Mã số thuế.....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số:  
.....

Ngày cấp: ..... Cơ quan cấp: .....

Hoặc hợp đồng hợp tác số:.....

- Tài khoản thanh toán số:..... tại Ngân hàng .....
- Vốn điều lệ/Vốn góp/Vốn tự có: .....

Hai Bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng tín dụng với các nội dung thỏa thuận sau đây:

**Điều 1.** Bằng Hợp đồng tín dụng này, Bên cho vay thống nhất cho Bên vay vay vốn để<sup>3</sup>.....

**Điều 2. Nội dung cho vay**

1. Số tiền cho vay.....

Bằng số ..... đồng.

(*Bằng chữ*.....).

2. Thời hạn cho vay: ..... tháng, kể từ ngày bên vay nhận khoản giải ngân đầu tiên.

3. Lãi suất:

- Lãi suất cho vay: .....%/năm

- Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

Lãi tiền vay được tính kể từ ngày Bên vay nhận khoản vay đầu tiên đến ngày trả hết nợ gốc. Tiền lãi được Bên cho vay thu hàng tháng bắt đầu ngay sau tháng bên vay nhận khoản vay đầu tiên, tiền lãi được tính trên số dư nợ thực tế.

Tiền lãi tháng nếu chưa thu được thì chuyển sang thu vào tháng kế tiếp sau đó.

5. Kỳ hạn trả nợ gốc:

- Ngày ...../...../....., số tiền:..... đồng.

- Ngày ...../...../....., số tiền:..... đồng.

- Ngày ...../...../....., số tiền:..... đồng.

6. Bên vay chủ động chuyển khoản hoặc nộp tiền mặt vào tài khoản thanh toán đã mở tại Bên cho vay. Bên cho vay thực hiện trích từ tài khoản thanh toán của Bên vay để thu nợ gốc và lãi. Bên vay có thể trả nợ trước hạn. Trường hợp bên vay trả nợ trước hạn, trả nợ quá hạn thì thu gốc đến đâu, thu hết lãi tương ứng của phần gốc đó.

**Điều 3. Giải ngân tiền vay**

<sup>3</sup> Tùy thuộc vào mục đích sử dụng vốn vay để soạn thảo nội dung này cho phù hợp.



Bên cho vay phát tiền vay cho Bên vay bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản thanh toán của Bên vay theo quy định.

#### **Điều 4. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn**

##### 1. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ

Nếu Bên vay gặp khó khăn chưa trả được nợ theo đúng kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng thì trước 05 ngày đến hạn trả nợ, bên vay phải có Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gửi Bên cho vay để Bên cho vay xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ. Thời hạn điều chỉnh kỳ hạn trả nợ có thể một hoặc nhiều lần nhưng không quá 6 tháng cho mỗi kỳ hạn trả nợ.

##### 2. Gia hạn nợ

Trước ngày đến hạn trả nợ cuối cùng, tối đa 03 tháng và tối thiểu 05 ngày làm việc, Bên vay không có khả năng trả được nợ do nguyên nhân khách quan và có nhu cầu gia hạn nợ, Bên vay phải lập Giấy đề nghị gia hạn nợ gửi Bên cho vay xem xét cho gia hạn nợ theo quy định của Bên cho vay.

##### 3. Chuyển nợ quá hạn

- Đối với trường hợp Bên vay sử dụng vốn vay sai mục đích và được ghi nhận trong Biên bản kiểm tra, trong thời gian tối đa 30 ngày kể từ ngày ghi nhận trong Biên bản kiểm tra, NHCSXH nơi cho vay đôn đốc thu hồi, nếu Bên vay không trả hết số nợ sử dụng sai mục đích thì chuyển số nợ sử dụng sai mục đích còn lại sang quá hạn.

- Đến kỳ hạn trả nợ kể cả nợ của kỳ hạn trước đó đã được điều chỉnh mà Bên vay chưa trả được nợ, không được Bên cho vay xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì Bên cho vay chuyển số dư nợ đó sang quá hạn.

- Đến hạn trả nợ cuối cùng của khoản vay đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng/Phụ lục Hợp đồng tín dụng mà Bên vay chưa trả được nợ, không được Bên cho vay xem xét cho gia hạn nợ thì Bên cho vay chuyển số dư nợ còn lại sang quá hạn.

#### **Điều 5. Bảo đảm tiền vay**

1. Tài sản bảo đảm là .....do.....cấp.

Địa chỉ.....

Giấy tờ pháp lý về tài sản:.....

2. Tổng giá trị tài sản bảo đảm là.....đồng để bảo đảm cho nghĩa vụ của món vay được quy định tại Hợp đồng tín dụng này.

3. Chi tiết về tài sản bảo đảm tiền vay được quy định chi tiết tại Hợp đồng bảo đảm tiền vay được giao kết giữa Bên cho vay và Bên bảo đảm.

4. Bên vay được quyền rút toàn bộ giấy tờ về tài sản bảo đảm sau khi đã trả hết nợ gốc và lãi.

5. Bên cho vay được quyền xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật để thu hồi vốn trong trường hợp Bên vay vi phạm các thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và không thể khắc phục được.

6. Bên cho vay thực hiện kiểm tra tài sản bảo đảm đột xuất hoặc định kỳ.

7. Bên vay không dùng tài sản nêu tại Khoản 1 Điều này để đảm bảo cho các nghĩa vụ của mình tại tổ chức tín dụng khác; không được chuyển nhượng tài sản này khi chưa được sự đồng ý của Bên cho vay hoặc chưa trả hết nợ gốc và lãi cho Bên cho vay.

#### **Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên cho vay**

1. Thực hiện đúng những nội dung đã thỏa thuận và được quyền yêu cầu Bên vay thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết.

3. Kiểm tra, giám sát theo kế hoạch hoặc đột xuất việc vay vốn và sử dụng vốn của Bên vay.

4. Từ chối các yêu cầu của Bên vay không đúng với quy định của pháp luật và thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng này.

5. Được chủ động trích tài khoản của Bên vay mở tại Bên cho vay để thu nợ gốc đến hạn, quá hạn, thu lãi .

#### **Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Bên vay**

1. Thực hiện đúng những nội dung đã thỏa thuận, cam kết và được quyền yêu cầu Bên cho vay thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận.

2. Sử dụng vốn vay đúng mục đích theo Hợp đồng tín dụng này. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày giải ngân khoản vay, Bên vay có nghĩa vụ cung cấp các chứng từ chứng minh sử dụng vốn vay.

3. Trả nợ gốc, lãi đầy đủ, đúng hạn cho Bên cho vay. Dùng các tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của Bên vay để trả nợ Bên cho vay.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bên cho vay về tính chính xác, trung thực của các thông tin, hồ sơ, tài liệu cung cấp cho Bên cho vay.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Bên cho vay và các cơ quan có thẩm quyền trong việc vay vốn, sử dụng vốn.

6. Thông báo kịp thời cho Bên cho vay những thay đổi liên quan đến thông tin của Bên vay được nêu trong Hợp đồng tín dụng này.

#### **Điều 9. Xử lý vi phạm**

1. Bên vay vi phạm quy định của pháp luật, có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc vi phạm các thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng được ghi nhận tại Biên bản kiểm tra thì NHCSXH nơi cho vay xem xét chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và thông báo cho Bên vay.

2. Căn cứ kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc kết luận tại Biên bản kiểm tra về việc vi phạm Hợp đồng tín dụng của Bên vay, Bên cho vay chấm dứt cho vay và thông báo cho Bên vay.

3. Trường hợp Bên vay cố tình không hoàn trả vốn vay, NHCSXH nơi cho vay báo cáo và kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Bên cho vay xử lý tài sản bảo đảm hoặc khởi kiện trong các trường hợp sau:

a) Bên vay vi phạm Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản, đã được Bên cho vay thông báo bằng văn bản.

b) Bên vay có nợ quá hạn do nguyên nhân chủ quan nhưng không có biện pháp khả thi để trả nợ Bên cho vay.

c) Bên vay cố tình trốn tránh, chây ì trả nợ theo thỏa thuận.

d) Bên vay có hành vi lừa đảo, gian lận.

đ) Bên vay có vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 10. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp**

Mọi tranh chấp xảy ra giữa hai bên được ưu tiên giải quyết bằng thương lượng. Trong trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng, tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền để xem xét, giải quyết.

#### **Điều 11. Cam kết chung**

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của Hợp đồng tín dụng này. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung của các điều, khoản phải được sự thỏa thuận, thống nhất của hai bên bằng văn bản.

2. Những nội dung không được thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng này được thực hiện theo quy định của NHCSXH, quy định của pháp luật.

#### **Điều 12. Hiệu lực của Hợp đồng tín dụng**

Hợp đồng tín dụng có hiệu lực kể từ ngày ký cho tới khi Bên vay hoàn thành nghĩa vụ trả nợ bao gồm cả tiền gốc, lãi cho Bên cho vay.

Hợp đồng tín dụng này bao gồm.....trang, được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

**ĐẠI DIỆN BÊN VAY**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))*

**ĐẠI DIỆN BÊN CHO VAY**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**PHẦN THEO DÕI CHO VAY – THU NỢ - DƯ NỢ**  
(kèm theo Hợp đồng tín dụng số: ...../20..../HĐTD ngày .../.../.....)

**1. Phần theo dõi cho vay - thu nợ**

*Đơn vị: đồng*

Ngày tháng Năm	Diễn giải	Số tiền	Lãi suất %/năm	Ngày đến hạn trả nợ	Dư nợ trong hạn	Chữ ký	
						Bên vay	Kế toán
1	2	3	4	5	6	7	8

**2. Phần theo dõi chuyển nợ quá hạn, thu nợ quá hạn**

*Đơn vị: đồng*

Ngày tháng năm	Diễn giải	Số tiền chuyển nợ quá hạn/thu nợ quá hạn	Lãi suất %/năm	Dư nợ quá hạn	Chữ ký	
					Bên vay	Kế toán
1	2	3	4	5	6	7



## BIÊN BẢN KIỂM TRA

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số .....

Căn cứ Hợp đồng bảo đảm tiền vay số .....

Hôm nay, ngày...../...../....., tại ..... chúng tôi gồm:

### I. Bên vay vốn:

- Tên cơ sở sản xuất kinh doanh vay vốn:.....
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Điện thoại liên hệ:.....
- Họ và tên người đại diện theo pháp luật hoặc được ủy quyền vay vốn là Ông (bà).....Chức vụ.....
- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....
- Ngày cấp:...../...../.....nơi cấp:.....

### II. Đại diện chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH (quận, huyện).....

- Ông (bà).....Chức vụ:.....
- Ông (bà).....Chức vụ:.....
- .....

Nội dung kiểm tra: .....

#### 1. Về tình hình thực hiện Hợp đồng tín dụng tính đến ngày kiểm tra

- Tổng số tiền phê duyệt cho vay theo Hợp đồng tín dụng: ..... đồng.
- Tổng số tiền đã giải ngân: ..... đồng.
- Lũy kế số nợ gốc đã trả: ..... đồng.
- Dư nợ vay: ..... đồng.
- Lãi trả đến ngày kiểm tra:.....đồng

#### 2. Về mục đích sử dụng tiền vay

.....  
.....

#### 3. Về tình hình thực hiện phương án vay vốn và khả năng trả nợ

##### a) Tình hình thực hiện phương án vay vốn

.....  
.....

##### b) Khả năng trả nợ

.....

.....  
c) Tình hình sử dụng lao động

- Tổng số lao động tại cơ sở:..... người

Trong đó số người lao động tại cơ sở là NCHXAPT:..... người

Chiếm tỷ lệ:.....% số lao động tại cơ sở sản xuất kinh doanh

**4. Về tài sản bảo đảm (nếu có)**.....

STT	Tên tài sản bảo đảm	Số lượng (nếu có)	Hiện trạng tài sản bảo đảm	Ghi chú

Đánh giá việc tuân thủ các quy định trong việc bảo quản, sử dụng tài sản bảo đảm (nếu có).....

**5. Ý kiến của cán bộ kiểm tra**

.....  
.....

**6. Ý kiến của cơ sở sản xuất kinh doanh:**

.....

**KHÁCH HÀNG VAY VỐN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

**CÁN BỘ KIỂM TRA**

(Ký, ghi rõ họ tên)





## GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH KỲ HẠN TRẢ NỢ

Kính gửi: Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH  
(quận, huyện).....

Tên cơ sở sản xuất kinh doanh:.....  
Địa chỉ trụ sở chính :.....; Điện thoại liên hệ:.....  
Họ và tên người đại diện hoặc được ủy quyền vay vốn:.....  
Ông (bà).....Chức vụ.....  
Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....  
Ngày cấp.....nơi cấp.....  
Đã vay tại Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH (quận, huyện)  
.....  
Số tiền: ..... (Bằng chữ:.....)

Theo Hợp đồng tín dụng số.....ngày...../...../.....

Số tiền đến hạn trả nợ gốc kể từ ngày ...../...../..... là .....đồng.

Số tiền nợ gốc chưa trả được là .....đồng.

Vì lý do:.....

Đề nghị Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH (quận, huyện).....cho phép cơ sở sản xuất, kinh doanh được kéo dài thời hạn trả khoản nợ gốc trên đến ngày..... tháng .....năm.....

Chúng tôi xin cam kết trả nợ đúng hạn trên./.

Ngày.....tháng....năm.....

**Khách hàng vay vốn**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

### PHÊ DUYỆT CỦA NHCSXH

- Số tiền được điều chỉnh kỳ hạn là .....
- Thời gian điều chỉnh đến ngày ...../...../.....

Ngày.....tháng.....năm.....

**CÁN BỘ  
TÍN DỤNG**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**TRƯỞNG PHÒNG KH-NVTD  
(TỔ TRƯỞNG KH-NV)**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**GIÁM ĐỐC**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

NHCSXH TỈNH/TP.....  
PGD HUYỆN.....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm 20...

## **THÔNG BÁO CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN**

Kính gửi: .....<sup>1</sup>

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số ..... ngày ... tháng ... năm .....  
giữa Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội  
..... với cơ sở sản xuất kinh doanh .....

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội .....  
..... thông báo:

- Số nợ gốc đã chuyển nợ quá hạn: ..... đồng  
(*Bằng chữ:* .....) )
- Ngày chuyển nợ quá hạn: ...../...../.....
- Lãi suất nợ quá hạn: .....%/năm.
- Lý do chuyển nợ quá hạn: .....

.....  
Yêu cầu khách hàng trả số tiền nợ quá hạn nêu trên cho Chi nhánh/Phòng  
giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội.....

Trường hợp trả nợ bằng chuyển khoản, đề nghị khách hàng chuyển về:

- Đơn vị thụ hưởng (*tên tài khoản Bên cho vay*): .....
- Số tài khoản:.....
- Mở tại:.....
- Nội dung: trả nợ gốc quá hạn, lãi quá hạn phát sinh theo Hợp đồng tín dụng  
số ..... ngày.....tháng ..... năm 20....

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội.....  
yêu cầu khách hàng thực hiện trả nợ./.

**GIÁM ĐỐC**  
(*Ký tên, đóng dấu*)

<sup>1</sup> Thông báo được đánh máy, in



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22/2023/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Thi hành án hình sự ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 49/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thi hành án hình sự về tái hòa nhập cộng đồng;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù.

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định về chính sách tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù, cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng người lao động là người chấp hành xong án phạt tù được vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội để đào tạo nghề và sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

- Ngân hàng Chính sách xã hội.
- Khách hàng vay vốn là tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng vay vốn quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này.
- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

### **Điều 3. Đối tượng và điều kiện vay vốn**

Đối tượng vay vốn và điều kiện vay vốn bao gồm:

#### **1. Đối tượng vay vốn**

a) Người chấp hành xong án phạt tù bao gồm người chấp hành xong thời hạn chấp hành án phạt tù đã được cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù quy định tại Luật Thi hành án hình sự và người được đặc xá đã được cấp giấy chứng nhận đặc xá quy định tại Luật Đặc xá;

b) Cơ sở sản xuất kinh doanh bao gồm doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh có sử dụng lao động là người chấp hành xong án phạt tù.

#### **2. Điều kiện vay vốn**

a) Người chấp hành xong án phạt tù: Có nhu cầu vay vốn; có tên trong danh sách người chấp hành xong án phạt tù về cư trú tại địa phương, chấp hành tốt các quy định của pháp luật, không tham gia các tệ nạn xã hội, do Công an cấp xã lập và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận theo Mẫu số 01 kèm theo Quyết định này. Thời gian kể từ khi chấp hành xong án phạt tù đến thời điểm vay vốn tối đa là 05 năm;

b) Cơ sở sản xuất kinh doanh: Được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật; sử dụng tối thiểu 10% tổng số lao động là người chấp hành xong án phạt tù đáp ứng các điều kiện nêu tại điểm a khoản này và ký hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật về lao động; có phương án vay vốn và được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện phương án xác nhận theo Mẫu số 02 kèm theo Quyết định này.

3. Người chấp hành xong án phạt tù và cơ sở sản xuất kinh doanh quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải thuộc trường hợp không còn dư nợ tại Ngân hàng Chính sách xã hội đối với các chương trình tín dụng khác có cùng mục đích sử dụng vốn vay để đào tạo nghề và sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm theo quy định của pháp luật.

### **Điều 4. Phương thức cho vay**

#### **1. Đối với người chấp hành xong án phạt tù**

a) Thực hiện phương thức cho vay thông qua hộ gia đình. Đại diện hộ gia đình của người chấp hành xong án phạt tù là người đứng tên vay vốn và giao dịch với Ngân hàng Chính sách xã hội. Trường hợp trong hộ gia đình không còn thành viên nào từ đủ 18 tuổi trở lên hoặc thành viên còn lại không còn sức

lao động, không có đủ năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật thì người chấp hành xong án phạt tù trực tiếp đứng tên vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội;

b) Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay thực hiện cho vay theo phương thức ủy thác cho các tổ chức chính trị - xã hội.

## 2. Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh

Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay thực hiện cho vay trực tiếp.

### **Điều 5. Mục đích sử dụng vốn vay**

#### 1. Đối với vay vốn để đào tạo nghề

Chi phí cho việc học tập, sinh hoạt của người chấp hành xong án phạt tù trong thời gian theo học tại các trường đại học (hoặc tương đương đại học), cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. Chi phí này bao gồm: Tiền học phí; chi phí mua sắm sách vở, phương tiện học tập; chi phí ăn, ở, đi lại.

#### 2. Đối với vay vốn để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm

Chi phí để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm gồm chi phí cho việc thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm.

### **Điều 6. Mức vốn cho vay**

#### 1. Đối với vay vốn để đào tạo nghề

Mức vốn cho vay tối đa là 04 triệu đồng/tháng/người chấp hành xong án phạt tù.

#### 2. Đối với vay vốn để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm

a) Người chấp hành xong án phạt tù: Mức vốn cho vay tối đa là 100 triệu đồng/người chấp hành xong án phạt tù;

b) Cơ sở sản xuất kinh doanh: Mức vốn cho vay tối đa là 02 tỷ đồng/dự án và không quá 100 triệu đồng/người lao động tại cơ sở sản xuất kinh doanh.

### **Điều 7. Đồng tiền cho vay, trả nợ**

Đồng tiền cho vay và trả nợ là đồng Việt Nam.

### **Điều 8. Thời hạn cho vay**

#### 1. Đối với vay vốn để đào tạo nghề

a) Thời hạn cho vay là khoảng thời gian được tính từ ngày người chấp hành xong án phạt tù bắt đầu nhận vốn vay cho đến ngày trả hết nợ (gốc và lãi). Thời hạn cho vay bao gồm thời hạn phát tiền vay và thời hạn trả nợ;

b) Thời hạn phát tiền vay là khoảng thời gian tính từ ngày người chấp hành xong án phạt tù nhận món vay đầu tiên cho đến ngày kết thúc khoá học, kể cả thời gian người chấp hành xong án phạt tù được các cơ sở đào tạo nghề cho phép nghỉ học có thời hạn và được bảo lưu kết quả học tập (nếu có);

c) Thời hạn trả nợ được chia thành các kỳ hạn trả nợ do Ngân hàng Chính sách xã hội quy định, như sau:

Đối với các chương trình đào tạo có thời gian đào tạo không quá một năm, thời hạn trả nợ tối đa bằng 02 lần thời hạn phát tiền vay.

Đối với các chương trình đào tạo khác, thời hạn trả nợ tối đa bằng thời hạn phát tiền vay.

## 2. Đối với vay vốn để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm

Thời hạn cho vay tối đa 120 tháng. Thời hạn cho vay cụ thể do Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét, quyết định trên cơ sở căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh, khả năng trả nợ của khách hàng vay vốn để thỏa thuận với khách hàng vay vốn.

### **Điều 9. Lãi suất cho vay**

1. Lãi suất cho vay bằng lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định theo từng thời kỳ.

2. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

### **Điều 10. Bảo đảm tiền vay**

1. Người chấp hành xong án phạt tù vay vốn đào tạo nghề và vay vốn để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm không phải thực hiện bảo đảm tiền vay.

2. Cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng lao động là người chấp hành xong án phạt tù vay vốn trên 100 triệu đồng phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật và Ngân hàng Chính sách xã hội về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ vay vốn.

### **Điều 11. Nguồn vốn cho vay**

1. Nguồn vốn ngân sách địa phương hàng năm ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay.

2. Ngân hàng Chính sách xã hội huy động, được ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý theo quy định.

3. Các nguồn vốn hợp pháp khác.

#### **Điều 12. Phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro**

Thực hiện theo quy định về phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

#### **Điều 13. Hồ sơ vay vốn, trình tự và thủ tục cho vay, kỳ hạn trả nợ, mức trả nợ, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn**

1. Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn về hồ sơ vay vốn, trình tự và thủ tục cho vay, kỳ hạn trả nợ, mức trả nợ đảm bảo đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện.

2. Việc gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn thực hiện theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 14. Tổ chức thực hiện**

1. Khách hàng vay vốn có trách nhiệm sử dụng vốn vay đúng mục đích và trả nợ vay đầy đủ, đúng hạn cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Bộ Công an

a) Chỉ đạo các cơ sở giam giữ phạm nhân tổ chức việc tuyên truyền, phổ biến chính sách tại Quyết định này;

b) Chỉ đạo Công an các địa phương phối hợp với các sở, ban, ngành và các cơ quan liên quan tại địa phương tham mưu Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người chấp hành xong án phạt tù. Phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Chính sách xã hội trong quá trình giám sát vốn vay và thu hồi nợ;

c) Chỉ đạo Công an cấp xã định kỳ vào ngày 05 hằng tháng lập và cung cấp danh sách người chấp hành xong án phạt tù có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn (theo Mẫu số 01 kèm theo Quyết định này) chuyển cho Ngân hàng Chính sách xã hội làm căn cứ cho vay;

d) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan và Ngân hàng Chính sách xã hội trong việc tổ chức, thực hiện Quyết định này; đề xuất xử lý các vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện và sửa đổi, bổ sung Quyết định này (nếu thấy cần thiết).

### 3. Bộ Quốc phòng

Chỉ đạo các cơ sở giam giữ phạm nhân thuộc Bộ Quốc phòng tổ chức việc tuyên truyền chính sách tại Quyết định này.

### 4. Ngân hàng Chính sách xã hội

a) Hướng dẫn các nội dung tại Điều 13 Quyết định này;

b) Quản lý, huy động và sử dụng nguồn vốn, thực hiện cho vay đúng đối tượng, điều kiện theo quy định của Quyết định này;

c) Phối hợp với các bộ, ngành báo cáo cấp có thẩm quyền để kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện cho vay theo quy định tại Quyết định này.

5. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Ngân hàng Chính sách xã hội trong quá trình tổ chức thực hiện Quyết định này.

### 6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện

a) Hằng năm, xem xét bố trí vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay theo quy định của pháp luật;

b) Chỉ đạo các sở, ban, ngành, các đơn vị liên quan trình cấp có thẩm quyền phê duyệt cấp ngân sách địa phương hàng năm ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay;

c) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc xác nhận về đối tượng và điều kiện thụ hưởng chính sách quy định tại Điều 3 Quyết định này;

d) Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tuyên truyền chính sách; tổ chức, giám sát triển khai thực hiện Quyết định này.

### **Điều 15. Xử lý vi phạm**

Cơ quan, tổ chức, cá nhân lợi dụng chính sách quy định tại Quyết định này để trục lợi, vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà phải bồi thường, bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

### **Điều 16. Điều khoản thi hành**


1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 10 năm 2023.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b). M.Cường<sub>110</sub>

**THỦ TƯỚNG**



**Phạm Minh Chính**



**Phụ lục**  
(Kèm theo Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg  
Ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Mẫu số 01	Danh sách người chấp hành xong án phạt tù có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội
Mẫu số 02	Phương án vay vốn (của cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng lao động là người chấp hành xong án phạt tù)



ỦY BAN NHÂN DÂN .....<sup>(1)</sup>  
CÔNG AN .....<sup>(1)</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày .... tháng .... năm .....

### DANH SÁCH

Người chấp hành xong án phạt tù có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội

STT	Họ và tên	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Căn cước công dân <sup>(2)</sup>	Ngày, tháng, năm chấp hành xong án phạt tù	Địa chỉ cư trú <sup>(3)</sup>
1	Nguyễn Văn A					
2	Trần Văn B					
3	Nguyễn Thị C					
4	.....					
...	.....					
<b>Tổng cộng:</b>						

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**TRƯỞNG CÔNG AN .....<sup>(1)</sup>**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN .....<sup>(1)</sup>**  
**CHỦ TỊCH**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

<sup>1</sup> Tên UBND xã, phường, thị trấn nơi người chấp hành xong án phạt tù cư trú.

<sup>2</sup> Ghi rõ số, ngày cấp, nơi cấp.

<sup>3</sup> Ghi rõ địa chỉ cụ thể: Số nhà; đường phố, xóm; thôn/tổ dân phố; xã, phường, thị trấn; quận, huyện, thị xã, thành phố; tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi người chấp hành xong án phạt tù cư trú.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**PHƯƠNG ÁN VAY VỐN**  
**(Của cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng lao động**  
**là người chấp hành xong án phạt tù)**

---

Kính gửi:

- Chi nhánh/PGD Ngân hàng Chính sách xã hội .....<sup>(1)</sup>
- Ủy ban nhân dân:.....<sup>(2)</sup>

.....<sup>(3)</sup> trình bày/báo cáo về phương án vay vốn có sử dụng lao động là người chấp hành xong án phạt tù, sau đây:

**I. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH**

1. Tên doanh nghiệp/Hợp tác xã/Tổ hợp tác/Hộ kinh doanh: .....

.....  
.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

.....  
.....

3. Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: .....

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số:

Ngày cấp: .....Cơ quan cấp: .....

Hoặc hợp đồng hợp tác số: .....

5. Họ và tên người đại diện: .....Chức vụ: .....

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số: .....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Quyết định bổ nhiệm số: ..... Ngày: ..... Do: ..... quyết định

Hoặc giấy ủy quyền số: ..... Ngày: ..... Do: ..... ủy quyền

6. Mã số thuế: .....

<sup>1</sup> Tên chi nhánh/phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện nơi cho vay.

<sup>2</sup> Tên UBND xã, phường, thị trấn nơi cơ sở sản xuất kinh doanh có phương án.

<sup>3</sup> Tên doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh có sử dụng lao động là người chấp hành xong án phạt tù.

7. Vốn điều lệ/Vốn góp/Vốn tự có: ..... đồng.

## II. THÔNG TIN VỀ PHƯƠNG ÁN VAY VỐN

1. Nội dung phương án vay vốn:

- Mở rộng, cải tạo nhà xưởng, kho bãi:

+ Diện tích mở rộng, cải tạo: .....

+ Chi phí mở rộng, cải tạo: .....

- Đầu tư trang thiết bị:

+ Máy móc, thiết bị (chủng loại, số lượng, giá trị): .....

+ Phương tiện (chủng loại, số lượng, giá trị): .....

- Đầu tư vốn lưu động: Vật tư, nguyên, nhiên liệu, hàng hóa, dịch vụ (chủng loại, số lượng, giá trị): .....

- Thời gian thực hiện: Từ tháng.....năm.....đến tháng ..... năm .....

2. Phương án sử dụng lao động:

Tổng số lao động:.....người, trong đó:

- Số người lao động là người chấp hành xong án phạt tù:.....người.

3. Tổng nguồn vốn thực hiện phương án:

Tổng số:..... đồng (*Bằng chữ*: ..... đồng). Trong đó:

- Vốn tự có:..... đồng.

- Vốn vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội: :..... đồng.

## III. ĐỀ NGHỊ VAY VỐN

1. Đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay vốn.

Số tiền: .....đồng.

(*Bằng chữ*: .....).

2. Mục đích sử dụng vốn vay như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn vay	Số lượng	Thành tiền (đồng)
1			
2			
3			
...			
...			

3. Thời hạn vay vốn: ..... tháng.
4. Nguồn tiền trả nợ ngân hàng:
- Từ khấu hao: ..... đồng.
  - Lợi nhuận và các nguồn khác: ..... đồng.
5. Dự kiến tổng số tiền trả nợ một năm: ..... đồng, trong đó:
- Trả nợ gốc: ..... đồng.
  - Trả lãi: ..... đồng.
6. Tài sản bảo đảm tiền vay (nếu có)

STT	Tên tài sản	Số lượng	Giá trị ước tính (đồng)	Giấy tờ về tài sản
1				
2				
3				
...				
...				

#### IV. CAM KẾT SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

.....<sup>(3)</sup> cam kết sử dụng thường xuyên tối thiểu 10% số lao động là người chấp hành xong án phạt tù. Trường hợp cơ sở sản xuất kinh doanh không sử dụng lao động là người chấp hành xong án phạt tù hoặc sử dụng không đủ số lượng lao động là người chấp hành xong án phạt tù thì cơ sở sản xuất kinh doanh có trách nhiệm hoàn trả hoặc không được tiếp cận nguồn vốn vay này.

Tôi xin cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN**

.....<sup>(2)</sup>

Cơ sở sản xuất kinh doanh.....

.....

có phương án được thực hiện tại địa phương.

....., ngày ... tháng ... năm ...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

....., ngày ... tháng ... năm ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)